TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 311/2024/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 02 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 463/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Trần Xuân A, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ 03, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

2/ Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn HD, xã CTĐ, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị Tuyết N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Anh A và chị N đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Anh chị không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo đúng tình nghĩa vợ chồng nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị Tuyết N có 01 (một) con chung là cháu Trần Nguyễn Phúc A1, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2015.

Cháu có nguyện vọng chung sống với mẹ Nguyễn Thị Tuyết N nên anh A và chị N thống nhất chị Nguyễn Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A1 sau khi ly hôn.

Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 7 năm 2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị Tuyết N thuận tình ly hôn

Về con chung*:* Anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị Tuyết N có 01 (một) con chung là cháu Trần Nguyễn Phúc A1, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2015.

Anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị Tuyết N thống nhất giao 01 (một) con chung là cháu Trần Nguyễn Phúc A1, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Tuyết N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi, tài sản chung và nghĩa vụ chung*:* Anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị Tuyết N không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc hôn nhân gia đình ***300.000 (ba trăm nghìn) đồng*** anh Trần Xuân A tự nguyện chịu nộp 150.000đồng và tự nguyện chịu thay chị Nguyễn Thị Tuyết N 150.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí anh Ấn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001982 ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh Trần Xuân A đã nộp đủ lệ phí

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Chứng nhận kết hôn số 10 ngày 25/02/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Đã ký
Võ Thị Thanh Thúy